TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Huệ

Bà Liêu Bích Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1994, (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã N, thị xã O, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh B, sinh năm 1969, (vắng mặt);

Địa chỉ: Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2022 và biên bản lấy lời khai ngày 14/12/2022, nguyên đơn chị A trình bày: Chị và anh B quen biết nhau do người thân của chị A tại Đài Loan mai mối. Chị và anh B tìm hiểu nhau được 01 tuần thì tiến đến hôn nhân. Hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/11/2019 tại Ủy ban nhân dân thị xã O và đã được Ủy ban nhân dân thị xã O, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau khoảng 01 ngày tại Việt Nam sau đó anh B về Đài Loan. Khoảng một năm sau khi kết hôn chị A sang Đài Loan chung sống với anh B, tại đây chị và anh B chỉ chung sống với nhau được 02 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị A ra ngoài sống được khoảng 01 năm, đến tháng 5 năm 2021 thì chị A về Việt Nam cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng ngôn ngữ, mâu thuẫn về

tiền bạc và lối sống; hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị A xác định chị và anh B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định chị và anh B không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Đối với bị đơn anh B: Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Ngày 19/7/2023, Tòa án đã nhận được Văn bản số 426/BTP-PLQT ngày 10/7/2023 của Bộ Tư pháp, thông báo kết quả ủy thác tư pháp đối với anh B với nội dung: *"... Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 16/5/2023 bằng phương thức: Gửi hồ sơ ủy thác tư pháp cho người làm thuê của đương sự*" kèm theo bản ghi ý kiến của anh B. Tại bản ghi ý kiến anh B trình bày: Anh và chị A kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 26/11/2019 tại Bạc Liêu; đối với yêu cầu khởi kiện của chị A thì anh B đồng ý ly hôn do tính cách không hợp nhau; vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung; ngoài ra, do bận công việc nên anh B không thể đến tham gia phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án anh B không có mặt tham gia phiên hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không đặt ra xem xét; án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị A phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh B đang sinh sống tại địa chỉ: , Đài Loan, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hòa giải, triệu tập xét xử đối với anh B theo quy định của pháp luật nhưng anh B không về Việt Nam tham gia phiên hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, nên căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh B.

[4] Đối với nguyên đơn chị A, ngày 15/8/2023, chị A đã có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy, đơn xin xét xử vắng mặt của chị A là phù hợp với quy định pháp luật, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị A.

[5] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B, chị A xác định chị và anh B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 26/11/2019 và căn cứ giấy chứng nhận kết hôn do Ủy nhân dân dân thị xã O, tỉnh Bạc Liêu cấp nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam bảo vệ. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai của chị A có cơ sở xác định, sau khi kết hôn chị A và anh B chung sống với nhau tại Việt Nam và Đài Loan. Trong khoảng thời gian tại Đài Loan, chị A và anh B chung sống khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, chị A ra ngoài sống, vợ chồng sống ly thân khoảng 01 năm tại Đài Loan đến tháng 5 năm 2021, chị A về Việt Nam. Từ khi chị A Việt Nam đến nay thì anh B và chị A không liên lạc với nhau. Nay, chị A xác định không còn tình cảm với anh B, cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ, quan điểm sống, vợ chồng cũng đã không còn liên lạc và chung sống với nhau trong thời gian dài. Đối với anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*", theo đó thì giữa chị A và anh B đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thực hiện được do mỗi người ở một nơi. Do đó, có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị A, cho chị A được ly hôn với anh B.

[7] Về con chung: Chị A xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí và lệ phí ủy thác tư pháp: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, lệ phí ủy thác tư pháp chị A phải chịu.

[10] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị A. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của

đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 273; Điều 280; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 474; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A với anh B.

Xử cho chị A, sinh năm 1994 được ly hôn với anh B, sinh năm 1969.

2. Về con chung: Chị A xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000356 ngày 14/12/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu, được chuyển thu án phí toàn bộ.

5. Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị A phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Chị A đã nộp xong lệ phí ủy thác tư pháp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0000311 ngày 17/01/2023, tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu, không được hoàn lại.

Án xử sơ thẩm công khai, chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- UBND thị xã O;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Châu Minh Nguyệt